

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DLK VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DLK VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DLK VIET NAM CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108746812

**3. Ngày thành lập:** 17/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Ngang, Thôn 1, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988118918

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Thi công xây dựng công trình | 4390(Chính) |
| 2.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển     | 7730        |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                  | 4101        |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                            | 4102        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                      | 4211        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                       | 4212        |
| 7.  | Xây dựng công trình điện                                                           | 4221        |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                | 4222        |
| 9.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                 | 4223        |
| 10. | Xây dựng công trình công ích khác                                                  | 4229        |
| 11. | Xây dựng công trình thủy                                                           | 4291        |
| 12. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                    | 4292        |
| 13. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                              | 4293        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                         | 4299        |
| 15. | Phá dỡ                                                                             | 4311        |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                  | 4312        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                              | 4321        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí              | 4322        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4329 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330 |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663 |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4752 |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4759 |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649 |
| 25. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan<br>- Thiết kế máy móc và thiết bị;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế xây dựng công trình<br>- Thiết kế kiến trúc công trình<br>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy<br>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình<br>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng<br>- Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ | 7110 |
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

Thời gian đăng từ ngày 17/05/2019 đến ngày 16/06/2019

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HẰNG | Xóm Ngang, Thôn 1, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 3.000      | 30.000.000            | 1,000     | 001087009721                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 3.000      | 30.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |
| 2   | VƯƠNG ĐỨC DŨNG  | Xóm Ngang, Thôn 1, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 294.000    | 2.940.000.000         | 98,000    | 001085005675                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 294.000    | 2.940.000.000         | 98,000    |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN XUÂN THANH | Xóm 3, Thôn Đồng Lư, Xã Đồng Quang, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 3.000      | 30.000.000            | 1,000     | 111717587                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 3.000      | 30.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VUÔNG ĐỨC DŨNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *08/10/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001085005675*

Ngày cấp: *29/07/2016*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Ngang, Thôn 1, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Ngang, Thôn 1, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội